

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Trà Vinh năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên góp phần phát triển lâm nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và sức cạnh tranh cao; quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng, diện tích đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội; góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ, lưu giữ các-bon từ rừng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế - xã hội

- Về kinh tế:

+ Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp tăng khoảng 2,5%.

+ Trong năm 2025 trồng mới 50 ha rừng phòng hộ; điều tra, thống kê các diện tích rừng chưa được cập nhật và công bố hiện trạng rừng hàng năm (bao gồm các diện tích rừng trong khu vực quy hoạch phát triển rừng và rừng ngoài quy hoạch), đảm bảo tổng diện tích rừng toàn tỉnh đạt 10.097 ha.

+ Triển khai các biện pháp nâng chất lượng rừng, tập trung huy động nguồn lực thực hiện trồng rừng bổ sung, góp phần nâng giá trị, chất lượng và tác dụng rừng.

- Về xã hội:

+ Tạo việc làm cho 80 lao động thông qua các hoạt động, dịch vụ trong lĩnh vực lâm nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

+ Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho lực lượng Kiểm lâm và chủ rừng. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền pháp luật về lâm nghiệp, góp phần nâng cao ý thức của cộng đồng về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường. Tăng cường tuần tra, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp, phấn đấu giảm 5% số vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp so với năm 2024.

b) Về môi trường

- Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng đối với rừng Phi lao, không để xảy ra cháy rừng; trồng 200.225 cây xanh phân tán⁽¹⁾; tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 4,2%.

- Hoàn thành trồng, phục hồi và bảo tồn loài Gõ Nước trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các biện pháp lâm sinh góp phần nâng chất lượng và tác dụng phòng hộ của rừng; tham mưu thành lập khu bảo tồn loài đối với một số loài nguy cấp quý hiếm và khu bảo vệ cảnh quan trên địa bàn tỉnh.

c) Về an ninh, quốc phòng

Phát triển lâm nghiệp bền vững góp phần phát triển kinh tế, ổn định xã hội, đồng thời góp phần tham gia đảm bảo an ninh, quốc phòng, đặc biệt là khu vực biên giới biển⁽²⁾.

II. NHIỆM VỤ

1. Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

a) Về bảo vệ rừng

- Tăng cường quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có. Phấn đấu năm 2025 có 80% diện tích rừng được giao cho chủ rừng quản lý. Tiếp tục tăng cường tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng, xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

- Tiếp tục triển khai khoán bảo vệ rừng phòng hộ; xúc tiến triển khai công tác giao rừng. Áp dụng biện pháp lâm sinh làm giàu rừng (tỉa thưa rừng và trồng bổ sung), phấn đấu đến năm 2025, tổng trữ lượng rừng toàn tỉnh đạt 0,83 triệu m³, tăng 0,16% trữ lượng rừng so với năm 2022.

- Tăng cường tuyên truyền pháp luật về lâm nghiệp, góp phần giảm số vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp (giảm 5% số vụ vi phạm so với năm 2024), không để xảy ra các vụ việc vi phạm có tính chất phức tạp, nghiêm trọng.

- Kiện toàn tổ chức lực lượng kiểm lâm theo hướng gắn với địa bàn quản lý, đặc biệt địa bàn có điểm nóng về khai thác, săn bắt trái phép để ngăn chặn và xử lý kịp thời việc vận chuyển, mua bán tài nguyên sinh vật, đặc biệt đối với động vật hoang dã và gỗ. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ rừng cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện phòng trừ sâu, bệnh hại rừng; tập trung chuyển đổi cây trồng, áp dụng kỹ thuật trồng rừng bổ sung vào khu vực rừng trồng thuần loài, góp phần củng cố tính năng phòng hộ của rừng, đồng thời hạn chế xảy ra dịch bệnh trên diện rộng.

- Đo đạc cắm mốc ranh giới rừng, góp phần quản lý tốt đất rừng và rừng; phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp; thực hiện các hoạt động giảm thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất, suy thoái rừng và quản lý bền vững tài nguyên rừng.

⁽¹⁾ Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trồng rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025.

⁽²⁾ Đa số các khu vực rừng phòng hộ ven biển của tỉnh đều thuộc khu vực biên giới biển.

- Hạn chế chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp; hoàn thành việc giao đất, giao rừng cho tổ chức. Hướng dẫn quản lý rừng bền vững cho chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng; tăng cường nâng cao năng lực về quản lý bền vững và chứng chỉ rừng. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho chủ rừng về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả.

b) Phòng cháy, chữa cháy rừng

Xây dựng và triển khai Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm; tổ chức tuần tra và trực phòng cháy, chữa cháy rừng Phi lao; tập huấn, tuyên truyền pháp luật về lâm nghiệp và phòng cháy, chữa cháy rừng nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

c) Bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

Hoàn thành trồng, phục hồi và bảo tồn loài Gõ Nước trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát và triển khai quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học các khu vực rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

a) Phát triển rừng

- Phối hợp, lồng ghép thực hiện các dự án, kế hoạch trồng rừng trên địa bàn tỉnh, trong năm 2025 trồng 50 ha rừng.

- Chú trọng triển khai trồng rừng, tăng nhanh diện tích rừng nhằm đạt độ che phủ rừng 4,2%; không thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh. Đôn đốc, hướng dẫn các chủ rừng phát triển diện tích cây lâm sản ngoài gỗ, phân đấu diện tích cây lâm sản ngoài gỗ đạt 100 ha (rừng Dừa nước, cây dược liệu, cây ngắn ngày trồng dưới tán rừng).

- Tập trung triển khai các kế hoạch, dự án trồng rừng giai đoạn 2023 - 2025: Dự án Đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch trồng rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025 và các kế hoạch trồng rừng bằng nguồn vốn xã hội hóa; Dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải và Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Động; Dự án Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

b) Nâng cao năng suất chất lượng rừng

- Ưu tiên phát triển và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ để giảm thiểu tác hại do thiên tai, cải thiện môi trường, giảm phát thải; cung ứng dịch vụ môi trường rừng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, đồng thời tạo tiền đề thu hút và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng

- Áp dụng biện pháp kỹ thuật nâng chất lượng rừng, chú trọng trồng bổ sung các loài cây có giá trị kinh tế cao (cây họ Đước), góp phần nâng chất lượng, tác dụng phòng hộ, đồng thời góp phần nâng mức đa dạng sinh học và giá trị rừng. Phân đấu trong năm 2025, tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên được nâng chất lượng đạt 30% so với tổng diện tích rừng tự nhiên của tỉnh.

- Xúc tiến công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp, tỷ lệ diện tích rừng được trồng từ giống cây lâm nghiệp đã được công nhận đạt 80%. Đôn đốc, hướng dẫn các chủ rừng áp dụng các biện pháp thâm canh trong trồng rừng sản xuất; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng thông qua các cơ chế, chính sách khuyến khích về đất đai, tín dụng, bảo hiểm, thuế, thị trường.

3. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng

Triển khai hướng dẫn, đôn đốc chủ rừng xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, làm cơ sở đánh giá và cấp chứng chỉ rừng bền vững. Phần đầu 100% chủ rừng là tổ chức được quản lý rừng bền vững. Tiếp tục rà soát, tham mưu sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế, chính sách và hướng dẫn kỹ thuật về quản lý bền vững và chứng chỉ rừng; có hướng dẫn riêng cho các nhóm đối tượng khác nhau như: Cá nhân, hộ, nhóm hộ, cộng đồng...; tăng cường nâng cao năng lực cho các bên liên quan về quản lý bền vững và chứng chỉ rừng.

4. Hoạt động khác

a) Tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp

Lồng ghép triển khai các dự án, đề án và các chính sách phát triển lâm nghiệp góp phần đạt chỉ tiêu về tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp khoảng 2,5%:

- Chú trọng phát triển khai thác và chế biến gỗ, củi từ cây phân tán: phần đầu sản lượng khai thác trung bình gỗ đạt 78.062 m³, củi là 310.355 ster, các loài tre là 2.995.332 cây, lá dừa nước 19.885.179 lá và các loài lâm sản ngoài gỗ khác đạt 144 tấn. Tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Tăng cường triển khai Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

- Tiếp tục tuyên truyền và triển khai thực hiện Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.

- Xây dựng mới các dự án đầu tư trồng rừng trên địa bàn tỉnh; chính sách hỗ trợ chủ rừng xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

b) Tăng giá trị sản phẩm lâm sản được tiêu thụ

Phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản. Tiếp tục phát triển sản xuất đồ gỗ phục vụ tiêu dùng tại địa phương, phần đầu giá trị tiêu thụ lâm sản thị trường trong nước đạt 197 tỷ đồng (tương đương 8,5 triệu USD).

c) Khai thác gỗ từ rừng trồng, cây phân tán

Khai thác, tía thừa rừng phòng hộ, rừng sản xuất, kết hợp trồng bổ sung những loại cây có giá trị kinh tế cao (chú trọng trồng loài cây Đước đôi). Phấn đấu sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng, cây phân tán trung bình đạt 78.062 m³ và củi là 310.355 ster. Tỷ lệ sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất, chế biến gỗ trong tỉnh đạt 20%.

d) Phát triển dịch vụ môi trường rừng

- Triển khai thực hiện xây dựng khung giá các loại rừng và giá cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các biện pháp tuyên truyền xúc tiến thuê dịch vụ môi trường rừng.

- Tiếp tục triển khai khoán bảo vệ rừng phòng hộ. Duy trì số hộ gia đình, cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng là 1.638 hộ, với tổng diện tích là 3.650 ha.

đ) Tăng giá trị thu nhập từ rừng

Triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển rừng, khoán bảo vệ rừng, phát triển các mô hình sản xuất dưới tán rừng nhằm góp phần tăng thu nhập từ rừng cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng. Phấn đấu tăng giá trị thu nhập từ rừng trồng sản xuất khoảng 1,5 lần so với năm 2020. Sau khi hoàn thành giao rừng sản xuất, các chủ rừng là cá nhân, hộ dân địa phương được tăng nguồn thu nhập từ rừng từ hoạt động khai thác rừng và khai thác, nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng. Phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số làm lâm nghiệp khoảng 1,5 lần so với năm 2020, gồm các nguồn thu chính như: tiền khoán bảo vệ rừng phòng hộ (750.000 đồng/ha), khai thác rừng sản xuất và khai thác, nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng; khai thác lâm sản ngoài gỗ.

e) Ứng dụng công nghệ, cơ giới hóa trong lâm nghiệp

Đồn đốc, hướng dẫn các chủ rừng, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ, cơ giới hóa trong lâm nghiệp, phấn đấu tỷ lệ ứng dụng cơ giới hoá trồng rừng tập trung đạt 2,5% (sử dụng máy móc từ khâu sản xuất, vận chuyển cây giống và đào hố, lấp hố trồng rừng).

g) Tăng cường năng lực cho tổ chức, cá nhân ngành lâm nghiệp

- Tuyên truyền, đồn đốc các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp. Phấn đấu năm 2025 có 50% lao động làm việc thường xuyên trong lĩnh vực lâm nghiệp được đào tạo (không tính lao động làm việc theo vụ việc, hợp đồng ngắn hạn), bao gồm cơ quan quản lý về lâm nghiệp (Chi cục Kiểm lâm), chủ rừng là tổ chức và Doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Tiếp tục duy trì tăng cường năng lực quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học cho Ban Quản lý rừng phòng hộ. Triển khai xây dựng Dự án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Trà Vinh trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2023 - 2030.

- Tiếp tục duy trì tăng cường năng lực quản lý rừng và đa dạng sinh học cho Ban quản lý rừng phòng hộ.

h) Tăng tỷ lệ che phủ rừng

Triển khai các dự án, kế hoạch trồng rừng trong năm 2025, phấn đấu đạt tỷ lệ độ che phủ rừng toàn tỉnh đạt 4,2%.

i) Tăng cường trồng cây xanh phân tán

Tiếp tục tăng cường triển khai Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trồng rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025: Trồng 200.225 cây xanh phân tán, góp phần đạt chỉ tiêu trồng 2,1 triệu cây xanh trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

a) Tăng cường triển khai thực hiện Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp; rà soát, tham mưu sửa đổi bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển rừng, trồng cây phân tán theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp bền vững; quản lý rừng tự nhiên, phát triển lâm nghiệp cộng đồng, dịch vụ môi trường rừng; chính sách định giá rừng, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công đối với Ban Quản lý rừng phòng hộ; chính sách khuyến khích đổi mới, sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, chế biến sâu, phát triển sản phẩm, thương hiệu và thị trường...

b) Xây dựng chính sách huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp nói chung và phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, như: giao rừng và đất lâm nghiệp cho cộng đồng dân cư, phát triển rừng cộng đồng; hưởng lợi từ rừng, thực sự tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng; chi trả dịch vụ môi trường rừng; quyền sử dụng đất, rừng để sản xuất kinh doanh phù hợp với kinh tế thị trường; cơ chế, chính sách, chế độ đãi ngộ đối với người tham gia bảo vệ rừng, phát triển rừng, chữa cháy rừng; chính sách đối với người lao động, người dân sống gần rừng ở vùng sâu, vùng xa.

c) Lồng ghép đề xuất thí điểm các mô hình sản xuất lâm - ngư kết hợp, nông - lâm kết hợp vào Dự án Nông nghiệp Chống chịu Biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật

a) Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức pháp luật về lâm nghiệp, chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp cho các hộ dân vùng ven rừng. Phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc trồng cây xanh, trồng rừng; tăng cường ý thức, trách nhiệm bảo vệ rừng của Nhân dân, vận động nhân dân tố giác những hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, phá rừng, khai thác rừng trái phép.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về giá trị kinh tế - xã hội, môi trường, bảo vệ quốc phòng, an ninh của rừng; vai trò, tầm quan trọng của rừng đối với bảo tồn đa dạng sinh học, giá trị cung ứng dịch vụ môi trường rừng, tăng trưởng xanh và sự phát triển bền vững của tỉnh.

c) Tăng cường công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và mạng xã hội, với các nội dung phong phú và đa dạng, phát huy truyền thống hiện đại, tạo sự thay đổi nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng; chú ý yếu tố văn hóa, dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền; nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cơ sở và các ngành về trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng; tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, cam kết về bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp.

d) Tăng cường tuyên truyền về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh; phát triển nông lâm kết hợp, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường rừng.

3. Quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp

a) Thực hiện điều tra, kiểm kê, cập nhật diễn biến rừng, đặc biệt là xây dựng cơ sở dữ liệu về lâm nghiệp tỉnh Trà Vinh, làm cơ sở định hướng, quy hoạch phát triển lâm nghiệp trong thời gian tới.

b) Xây dựng bản đồ hiện trạng rừng năm 2025 và bản đồ định hướng phát triển rừng giai đoạn 2026 - 2030 đồng bộ với quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Kiện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất

a) Đối với rừng phòng hộ: Kiện toàn hệ thống chủ rừng trên địa bàn tỉnh theo hướng hiệu quả, tập trung nhiệm vụ phát triển rừng gắn với tăng thu nhập từ rừng.

b) Đối với sản xuất: Hướng dẫn xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững theo nhóm hộ; áp dụng thâm canh rừng sản xuất, tập trung vào trồng các cây họ Đước kết hợp phát triển mô hình lâm - ngư kết hợp theo hướng tận dụng tối đa không gian rừng.

5. Khoa học, công nghệ và khuyến lâm

a) Tiến hành công nhận cây trội đối với loài cây Dầu con rái, Sao đen, Đước đôi, Mắm trắng, Phi lao, Mắm đen, Đung, Cóc trắng. Tiếp tục nghiên cứu phương pháp, kỹ thuật, mật độ trồng rừng phù hợp với từng khu vực rừng trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng rừng.

b) Tổng kết tình hình thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh “Nghiên cứu giải pháp phát triển mô hình canh tác lâm ngư kết hợp hiệu quả và bền vững khu vực ven biển Duyên Hải tỉnh Trà Vinh” và đề tài “Nghiên cứu khả năng lưu trữ cacbon của các loại rừng chủ yếu tại tỉnh Trà Vinh”.

c) Đẩy mạnh hiện đại hóa, cơ giới hóa trong các khâu làm đất, giống, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, phòng cháy chữa cháy rừng, khai thác vận chuyển gỗ và lâm sản đạt ít nhất 10%. Ưu tiên, tăng cường nâng cao năng lực, cơ sở

vật chất theo dõi, giám sát tài nguyên rừng đạt tầm cỡ khu vực; trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng.

d) Rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế, kỹ thuật trong lâm nghiệp của tỉnh.

6. Phát triển nguồn nhân lực

a) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của ngành lâm nghiệp, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp; ưu tiên đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận công nghệ hiện đại, tạo những bước đột phá trong nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống, công nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ cao trong lâm nghiệp để kịp thời giải quyết các vấn đề, thách thức của ngành.

b) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý theo hướng hiệu quả, hiệu lực, đổi mới hoạt động và tăng cường năng lực cho các chủ rừng.

7. Hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại

a) Tranh thủ nguồn vốn của các chương trình, dự án hợp tác quốc tế song phương, đa phương để phát triển lâm nghiệp, trong đó ưu tiên các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển rừng ven biển gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ, lưu giữ các-bon từ rừng, dịch vụ môi trường rừng; các chương trình, dự án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực lâm nghiệp. Tăng cường phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan tập trung huy động nguồn lực tài trợ trồng cây phân tán, trồng rừng, tuyên truyền bảo vệ và phát triển rừng theo hình thức tài trợ không hoàn lại.

b) Tăng cường phối hợp thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, đặc biệt là sản xuất, chế biến lâm sản.

8. Huy động các nguồn vốn

a) Lồng ghép, phối hợp thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ đúng theo Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Kế hoạch trồng rừng từ nguồn vốn tài trợ không hoàn lại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

b) Định hướng sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thực hiện:

- Vốn ngân sách nhà nước: Tập trung triển khai các hạng mục sử dụng vốn sự nghiệp do Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, chú trọng thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng và các hoạt động đặc thù theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực lâm nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ và lâm sản theo quy định của pháp luật; huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, các thành phần kinh tế và tiếp tục nghiên cứu mở rộng các nguồn thu cho ngành lâm nghiệp.

- Phát triển các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới để tăng nguồn thu, dịch vụ môi trường rừng...; tăng cường tuyên truyền, vận động, tạo cơ chế phù hợp để huy động tổ chức, cá nhân đầu tư vào lâm nghiệp; bảo vệ và phát triển rừng.

c) Tăng cường triển khai, giải ngân nguồn vốn hỗ trợ phát triển rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

9. Lồng ghép, phối hợp với các Chương trình khác

Lồng ghép việc xây dựng và triển khai thực hiện các dự án: Dự án Đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Dự án Nông nghiệp Chống chịu Biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long; Chiến lược phát triển lâm nghiệp của tỉnh và Trung ương; Dự án Nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Trà Vinh trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030; Đề án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 của Chính phủ; Kế hoạch trồng rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025; phương án trồng rừng thay thế... Tăng cường lồng ghép triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển lâm nghiệp.

10. Quản lý, điều hành thực hiện Chương trình

a) Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo hướng hiện đại; tăng cường nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

b) Tăng cường xã hội hóa các dịch vụ công về lâm nghiệp nhằm giảm áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước, cung cấp cho xã hội chất lượng dịch vụ tốt nhất.

c) Giám sát thực hiện Kế hoạch theo hướng hiệu quả và hiệu lực làm căn cứ hoạch định chính sách, điều chỉnh kế hoạch và có giải pháp khắc phục kịp thời. Giám sát thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch 5 năm hoặc đột xuất.

d) Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn. Việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch được thực hiện đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan.

đ Xây dựng, triển khai hệ thống giám sát Kế hoạch trên cơ sở đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời.

IV. NHU CẦU VỐN

1. Tổng dự toán nhu cầu vốn thực hiện Chương trình, chia theo nguồn vốn

Tổng dự toán nhu cầu vốn thực hiện Chương trình năm 2025 là 13.548.581.000 đồng (*Mười ba tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm tám mươi một ngàn đồng*), gồm:

- Vốn Trung ương hỗ trợ (*nguồn vốn sự nghiệp do Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình*): 3.592.956.000 đồng.

- Vốn xã hội hóa: 9.955.625.000 đồng.

(Chi tiết tại Biểu I, Biểu II, Biểu III đính kèm).

2. Cơ chế huy động vốn

Tổ chức triển khai huy động vốn tài trợ trồng rừng, tăng cường xã hội hóa, thu hút mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế và lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch được phê duyệt; đồng thời, chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch và chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp để thực hiện hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này.

- Tổ chức xây dựng và triển khai các dự án, kế hoạch có liên quan của ngành để thực hiện hoặc lồng ghép từ các chương trình, dự án và kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác tham gia thực hiện Kế hoạch.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm (vào ngày 15 tháng cuối của quý, 6 tháng, năm hoặc khi có yêu cầu) tổng hợp, báo cáo, đề xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Chương trình và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nắm, tổng hợp, chỉ đạo (*nội dung, biểu mẫu báo cáo thực hiện kế hoạch theo Phụ lục III ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư, khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công; cân đối và bố trí vốn, tính toán các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác, hướng dẫn các thủ tục đầu tư để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai công tác giao đất, giao rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh; trong đó, có lồng ghép xúc tiến thương mại lâm sản; nghiên cứu đề xuất các chương trình, đề án xúc tiến thương mại nhằm thúc đẩy xuất khẩu lâm sản, hỗ trợ quảng bá sản phẩm thế mạnh của tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp các cơ quan chuyên môn tăng cường triển khai quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn quản lý; phối hợp triển khai tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của rừng và các quy định pháp luật về lâm nghiệp; rà soát, đề xuất các khu vực, địa điểm trồng rừng trên địa bàn quản lý.

- Tăng cường triển khai và hoàn thành các chỉ tiêu về trồng cây xanh phân tán theo Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung nội dung Kế hoạch, các sở, ngành, địa phương có liên quan kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, xử lý theo thẩm quyền./.